

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HSST

Ngày : 25/4/2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Ngô Thế Tương

Các Hội thẩm nhân dân : Bà Vũ Thị Thủy – Giáo viên trường THCS xã Thụy Hà

Bà Phạm Hồng Thiêm – Cán bộ tư pháp xã Thụy Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:

Bà : Vũ Thị Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2019/TLST – HS ngày 28 tháng 02 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST ngày 12 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo :

1. Phạm Tuấn A, sinh ngày 04 tháng 4 năm 1988

Nơi cư trú: thôn H, xã V, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông Phạm Đăng C, sinh năm 1956 và con bà Trương Thị M, sinh năm 1962 đều trú tại thôn H, xã V, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Bị cáo chưa có vợ con

Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 24/9/2012 bị Tòa án nhân dân TP H, tỉnh Q xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Ngày 09/02/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt 02 năm tù về tội “ Trộm cắp tài sản”.

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12. Ngày 28/3/2006, bị công an huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Từ tháng 3/2007 đến tháng 01/2009 tham

gia quân đội đóng quân tại Khánh Hòa. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/11/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại trại giam công an tỉnh Thái Bình (Có mặt)

2. Nguyễn Văn T, sinh ngày 19 tháng 12 năm 2001

Nơi cư trú: thôn T, xã D, huyện V, thành phố Hải Phòng

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1965 con bà Phạm Thị D, sinh năm 1970 đều trú tại thôn T, xã D, huyện V, thành phố Hải Phòng. Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 8/12, sau đó ở nhà lao động tại địa phương. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

3. Hà Văn H, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2002

Nơi cư trú: thôn T, xã D, huyện V, thành phố Hải Phòng

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Văn Đ, sinh năm 1964 con bà Phạm Thị M, sinh năm 1966 đều trú tại: thôn T, xã D, huyện V, thành phố Hải Phòng. Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 8/12, sau đó ở nhà lao động tại địa phương. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn T*: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1970; Nơi cư trú: thôn T, xã D, huyện V, thành phố Hải Phòng – là mẹ bị cáo Tùng (Có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Hà Văn H*: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1966; Nơi cư trú: thôn T, xã D, huyện V, thành phố Hải Phòng – là mẹ bị cáo Tùng (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Tùng và Hà Văn Hải*

Ông Nguyễn Tiến Sỹ- Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thái Bình

- *Bị hại*

Anh: Nguyễn Duy V, sinh năm 1978

(Vắng mặt)

Cư trú tại: thôn B, xã Q, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

Anh: Lại Xuân D, sinh năm 1970

(Vắng mặt)

Cư trú tại: thôn Việt Cường, xã Thái Sơn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

Ông: Phan Văn Nhiệm, sinh năm 1963

(Vắng mặt)

Cư trú tại: thôn A, xã Q, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông: Đỗ Trung M, sinh năm 1973

(Vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm 5, xã C, huyện V, thành phố Hải Phòng

Ông: Đinh Công H, sinh năm 1963

(Vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn V, xã D, huyện Thái Thụy, Thái Bình.

- *UBND xã D, huyện V, TP Hải Phòng* (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để tiêu sài cá nhân nên khoảng 23 giờ 30 phút ngày 31/8/2018, A cùng T và H rủ nhau đi trộm cắp tài sản. T dùng xe mô tô biển kiểm soát 16M5 – 3774 chở H từ nhà T đến khu vực chợ H1 thuộc xã N gặp A, sau đó A, T và H đi trên 02 xe mô tô đến khu vực bãi đỗ xe nhà anh Lại Xuân D xã S, huyện Thái Thụy, H đứng ngoài canh gác, A và T đến cạnh hai chiếc xe ben tải tháo các dây điện của các bình ác quy nhưng do bình được các khung sắt bảo vệ nên không thể lấy được. Thấy vậy T đi tìm được một chiếc cuốc, cán bằng kim loại, đưa vào để bẫy khung hàn bảo vệ bình các quy của xe ô tô thì phát ra tiếng kêu. Cả hai cùng bẫy nhưng không lấy được bình ác quy, cùng lúc này có một chiếc xe ô tô đi đến, do đèn chiếu sáng nên T và A sợ bị phát hiện nên bỏ chạy theo lối sau vườn của bãi đỗ xe. Còn H bị công an xã D đưa về trụ sở Ủy ban nhân dân xã D làm việc. Tổng giá trị tài sản của 04 chiếc bình ác quy có giá trị là 6.100.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, T còn khai nhận một mình thực hiện vụ trộm cắp như sau: Sau khi không lấy được bình ác quy, trên đường bỏ chạy T lội qua ruộng nước đến nhà bà Phạm Thị R cùng xã Thái D. Túng trèo lên mái nhà ngang của gia đình bà R để ẩn lấp thì phát hiện thấy bà R giấu tiền phía sau ảnh cưới ở trên tường, khi thấy bà R đi ra khỏi nhà, Túng lén lút vào phòng trộm cắp số tiền trên có tổng giá trị là 19.000.000 đồng và 01 điện thoại di động Nokia 1280. Số tài sản trộm cắp được T mang về nhà cất giấu, đến ngày 09/11/2018, T tự thú và giao nộp số tài sản trên cho cơ quan điều tra.

Ngoài ra T và H còn khai nhận khoảng cuối tháng 6/2018 đến đầu tháng 7/2018, T và H còn cùng nhau thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 23 giờ một ngày cuối tháng 6/2018, T và H đi chơi điện tử hết tiền nên T rủ H đi trộm cắp tài sản, H đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển kiểm sát 16P4- 7914 đi từ huyện V sang huyện Thái Thụy, trên đường đi phát hiện thấy chiếc xe ô tô của gia đình anh Nguyễn Duy V ở thôn N, xã Q đỗ tại cửa nhà, H đứng ngoài coi xe và cảnh giới, T dùng kim cộng lực cắt các dây điện nối bình ác quy và thanh sắt bảo vệ của xe ô tô lấy được 02 bình ác quy của xe ô tô. Sau khi lấy được tài sản cả hai quay về bán cho ông Đỗ Trung M ở xóm 5, xã C, huyện V, TP Hải Phòng với giá 800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản T và H trộm cắp của gia đình anh V là 2.700.000 đồng

Vụ thứ hai: Khoảng 23 giờ một ngày đầu tháng 7/2018, T và H đi chơi điện tử hết tiền nên T rủ H tiếp tục đi trộm cắp tài sản. T điều khiển xe mô tô biển kiểm sát 16M5- 3774 đi từ huyện V sang huyện Thái Thụy, trên đường đi phát hiện thấy có bãi đỗ xe, có nhiều xe ô tô cũ của gia đình ông Phan Văn N ở thôn A xã Q, H đứng ngoài coi xe và cảnh giới, T dùng kim cộng lực vào bãi đỗ xe cắt các dây điện nối bình ác quy và thanh sắt bảo vệ của xe ô tô lấy được 03 bình ác quy của 03 xe ô tô tại. Sau khi lấy được tài sản cả hai quay về bán cho một người đàn ông thu mua sắt vụn ở huyện V, thành phố Hải Phòng với giá 1.100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản T và H trộm cắp của gia đình ông N là 4.000.000 đồng

Tại bản kết luận định giá tài sản số 32/KL- ĐG ngày 12/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Tổng số tài sản do A, T và H trộm cắp có giá trị là 6.100.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 04/KL- ĐG ngày 03/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Tổng số tài sản do T và H trộm cắp là 03 bình ác quy có giá trị là 4.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 05/KL- ĐG ngày 03/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Tổng số tài sản do T và H trộm cắp là 02 bình ác quy có giá trị là 2.700.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06/KL- ĐG ngày 03/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Tài sản do T trộm cắp là chiếc điện thoại Nokia 1280 có giá trị là 150.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Tuấn A, Nguyễn Văn T và Hà Văn H không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận định giá nêu trên.

Bản cáo trạng số 24/CT- VKSTT ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo Phạm Tuấn A về tội " Trộm cắp tài sản " tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Hà Văn H về tội " Trộm cắp tài sản " tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Phạm Tuấn A, Nguyễn Văn T và Hà Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo:

Người bào chữa cho các bị cáo T và H trình bày lời bào chữa: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, các bị cáo Nguyễn Văn T và Hà Văn H phạm tội đều dưới 18 tuổi, sự nhận thức và hiểu biết pháp luật còn hạn chế, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết bắt các bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội, cho các bị cáo được hưởng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ giáo dục các bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của các bị cáo T và H là các bà Phạm Thị D và bà Phạm Thị M trình bày: Các bị cáo tuổi đời còn trẻ, nhận thức pháp luật còn hạn chế vì vậy xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cho các bị cáo được hưởng án treo để cải tạo tại địa phương, gia đình sẽ có trách nhiệm giáo dục bảo ban các bị cáo.

L luận tội của Kiểm sát viên: Vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố với bị cáo về tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng. Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Tuấn A, Nguyễn Văn T và Hà Văn H phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 57, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Tuấn A từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm i, s, r khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 57, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, khoản 1 Điều 101, khoản 3 Điều 102 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 tháng đến 01 năm tù

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 50, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 57, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, khoản 1 Điều 100, khoản 3 Điều 102 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Hà Văn H từ 03 tháng đến 06 tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, đề nghị xử lý vật chứng và buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì và nói lời sau cùng: Các bị cáo xin lỗi các bị hại, hành vi phạm tội của bị cáo là sai trái, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo để cải tạo tại địa phương.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác vắng mặt được công bố tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng tại giai đoạn điều tra họ đã có lời khai đầy đủ lưu trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, đại diện chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần 2 nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án

[3]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo Phạm Tuấn , Nguyễn Văn T và Hà Văn H tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau : Đơn đề nghị và lời khai của những bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4]. Như vậy đủ căn cứ để xác định: Lợi dụng lúc đêm khuya vắng người, chủ sở hữu sơ hở trong việc quản lý tài sản, ngày 31/8/2018 các bị cáo Phạm Tuấn A, Nguyễn Văn T và Hà Văn H đã cùng nhau thực hiện 01 hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 01/9/2018 bị cáo T thực hiện 01 vụ trộm cắp tài. Từ cuối tháng 6/2018 đến đầu tháng 7/2018 các bị cáo Nguyễn Văn T và Hà Văn H cùng nhau thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản cụ thể như sau :

Lần thứ nhất: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 31/8/2018, Tuấn A cùng T và H đến khu vực bãi đỗ xe nhà anh Lại Xuân D lén lút thực hiện trộm cắp 04 bình ác quy của gia

đình anh D. Tổng giá trị tài sản Tuấn A, T và H trộm cắp của gia đình anh D là 6.100.000 đồng

Lần thứ hai: Khoảng 07 giờ ngày 01/9/2018, Nguyễn Văn T trộm cắp nhà bà Phạm Thị R số tiền 19.000.000 đồng và 01 điện thoại di động Nokia 1280. Tổng giá trị tài sản Tùng trộm cắp của gia đình bà R là 19.150.000 đồng

Lần thứ ba: Khoảng 23 giờ một ngày cuối tháng 6/2018, Nguyễn Văn T và Hà Văn H đến gia đình anh Nguyễn Duy V trộm cắp 02 bình ác quy. Tổng giá trị tài sản T và H trộm cắp của gia đình anh V là 2.700.000 đồng

Lần thứ tư: Khoảng 23 giờ một ngày đầu tháng 7/2018, Nguyễn Văn T và Hà Văn H đến gia đình ông Phan Văn N trộm cắp 03 bình ác quy. Tổng giá trị tài sản T và H trộm cắp của gia đình ông N là 4.000.000 đồng

Tổng số tài sản do Phạm Tuấn A trộm cắp có giá trị là 6.100.000 đồng; Tổng số tài sản Nguyễn Văn T trộm cắp có giá trị là 31.950.000 đồng; Tổng số tài sản Hà Văn H trộm cắp có giá trị là 12.700.000 đồng. Bị cáo Phạm Tuấn A có 02 tiền án về tội “ Trộm cắp tài sản ” chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu một tình tiết quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên Hành vi đó của bị cáo Phạm Tuấn A đã phạm vào “ Trộm cắp tài sản ” quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo Nguyễn văn T, Hà Văn H đã phạm vào “ Trộm cắp tài sản ” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm

g) Tái phạm nguy hiểm

[5]. Xét vai trò của các bị cáo thì thấy : Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngày 01/9/2018 thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, bị cáo Tuấn A có vai trò đầu vụ là người đã thành niên, chủ động, tích cực thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu hình phạt cao nhất. Bị cáo Nguyễn Văn T và Hà Văn H phạm tội đã đủ 16 tuổi nhưng dưới 18 tuổi, nhưng bị cáo Tùng cũng tích cực và nhiều lần thực hiện các hành vi phạm tội nên giữ vai trò cao hơn bị cáo Hải trong vụ án.

[6]. Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân thể hiện sự coi thường pháp luật. Do đó cần thiết phải quyết định một hình phạt tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm cho hành vi phạm tội của các bị cáo. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo T và bị cáo H tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo T còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội tự thú, bị cáo Tuấn A có thời gian tham gia quân đội nhân dân, có bố là bệnh binh nên được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong lần phạm tội lấy bình ác quy của anh Lại Xuân D, do trở ngại khách quan nên chưa lấy được tài sản nên hành vi của các bị cáo tại lần phạm tội này thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Đối với hành vi trộm cắp của Hà Văn H thực hiện vào cuối tháng 6 và đầu tháng 7/2018 khi bị cáo mới 15 tuổi 11 tháng, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên chỉ bị xử lý hành chính. Bị cáo Nguyễn Văn T chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở nên. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo Phạm Tuấn A và Nguyễn Văn T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Còn đối với bị cáo Hà Văn H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có đơn xin được hưởng cải tạo không giam giữ và được địa phương xác nhận, xét thấy không cần thiết bắt bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội vì bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo H được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, để bị cáo nhận ra lỗi lầm đã phạm phải để phấn đấu trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

[6]. Bị cáo Tuấn A làm nghề lao động tự do, không có thu nhập ổn định, bị cáo T và H là người chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[7]. Về xử lý vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã quản lý 02 cờ lê bằng kim loại; 01 kìm bằng kim loại, xét thấy đây là công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà phạm Thị R số tiền 19.000.000 đồng và 01 chiếc điện thoại (ông Nguyễn Công H1 - là chồng bà R đã nhận lại tài sản theo ủy quyền), bà R không yêu cầu gì thêm. Đối với ông Phan Văn N, anh Lại Xuân D, anh Nguyễn Duy V là những bị hại không yêu

cầu các bị cáo phải bồi thường gì nên trách nhiệm dân dân sự đã được giải quyết xong.

[9]. Đối với ông Đỗ Trung M đã mua 02 chiếc bình ác quy của các bị cáo t và h, khi mua ông không biết những tài sản trên là tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xử lý là đúng quy định của pháp luật

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Tuấn A, Nguyễn Văn T và Hà Văn H phạm tội " Trộm cắp tài sản "

Áp dụng khoản 2 Điều 173, Điều 15, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1,2 Điều 51, Điều 57, Điều 58 Bộ luật hình sự .

Xử phạt bị cáo Phạm Tuấn a 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/11/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 15, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm i, r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 , Điều 57, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, khoản 1 Điều 101, khoản 3 Điều 102 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 50, điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 57, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 100, khoản 3 Điều 102 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hà Văn H 05 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện V, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trong trường hợp người bị cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo H

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 02 cờ lê, 01 kìm cộng lực (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy ngày 26/02/2018)

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; NQ 326/2016/UBTVQH 14 về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phạm Tuấn A, Nguyễn Văn T và Hà Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm .

4. Về quyền kháng cáo bản án: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo; Người bào chữa, Người đại diện hợp pháp của các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản bản được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- VKSND huyện Thái Thụy
- Công an huyện Thái Thụy
- Chi cục THA huyện Thái Thụy
- TAND tỉnh Thái Bình
- VKSND tỉnh Thái Bình
- Trại giam CA tỉnh Thái Bình
- Bị cáo, người bị hại, người bào chữa, người có QLNVLQ
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Tương